

Số: 155H/NĐĐT-KHVT

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 5 năm 2025

V/v đề nghị báo giá cung cấp vật tư, thiết bị Hệ
thống xử lý nước thải nhiễm than

Kính gửi: Quý công ty và các nhà cung cấp

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý Công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang chuẩn bị triển khai công tác sửa chữa lớn các thiết bị năm 2026. Để có cơ sở thực hiện theo các quy định hiện hành, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá các loại vật tư, thiết bị theo phụ lục đính kèm (có thể báo giá một hoặc một số hoặc toàn bộ vật tư, thiết bị theo khả năng cung cấp của mình).

- Hồ sơ báo giá bao gồm:

+ Báo giá: do người đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá ký tên, đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá (kèm theo giấy ủy quyền, quyết định hoặc tài liệu tương đương khác).

+ Giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương, giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng được kinh doanh có điều kiện (nếu có).

+ Các hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự với các hàng hóa báo giá (kèm theo các tài liệu chứng minh đã thực hiện hoàn thành hợp đồng).

- Yêu cầu đối với vật tư, thiết bị báo giá: cam kết vật tư, thiết bị là hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, có ký, mã hiệu, nhãn mác, nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

- Địa điểm giao hàng: tại kho của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh).

- Hiệu lực của báo giá: 120 ngày kể từ ngày báo giá.

Báo giá của Quý Công ty xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266323; Fax: 0203.6266324; E-mail: dongtrieu.dtk@gmail.com).

- Thời gian báo giá: chậm nhất đến 16 giờ 30 ngày 26/5/2025.

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Ông Phạm Thế Vinh - Nhân viên

phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0329.039.895).

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý Công ty.

Trân trọng. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy, để b/c);
- Lưu: TCHC, KHVT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Mão

PHỤ LỤC: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

(Kèm theo Văn bản số 155/H /NĐĐT-KHVT ngày 15 /5/2025 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Sỏi thạch anh	- Ngoại quan: màu trắng, không có bột bám trên bề mặt; - Hàm lượng SiO ₂ : ≥99,4%; - Khả năng hòa tan muối: <0,2%; - Khả năng chịu axit: ≥98%; - Hàm lượng Zn: <0,005%; - Hệ số đồng nhất: 1,68 ±0,01; - Kích thước: 2~4mm.	Tấn	4,0			
2	Sỏi thạch anh	- Ngoại quan: màu trắng, không có bột bám trên bề mặt; - Hàm lượng SiO ₂ : ≥99,4%; - Khả năng hòa tan muối: <0,2%; - Khả năng chịu axit: ≥98%; - Hàm lượng Zn: <0,005%; - Hệ số đồng nhất: 1,68 ±0,01; - Kích thước: 4~8mm.	Tấn	4,0			
3	Sỏi thạch anh	- Ngoại quan: màu trắng, không có bột bám trên bề mặt; - Hàm lượng SiO ₂ : ≥99,4%; - Khả năng hòa tan muối: <0,2%; - Khả năng chịu axit: ≥98%; - Hàm lượng Zn: <0,005%; - Hệ số đồng nhất: 1,68 ±0,01; - Kích thước: 8~16mm.	Tấn	4,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
4	Cát thạch anh	- Ngoại quan: màu trắng, không có bột bám trên bề mặt; - Hàm lượng SiO ₂ : ≥99,4%; - Khả năng hòa tan muối: <0,2%; - Khả năng chịu axit: ≥98%; - Hàm lượng Zn: <0,005%; - Hệ số đồng nhất: 1,68 ±0,01; - Kích thước hạt: 0,5~1,2mm.	Tấn	4,0			
5	Tấm nghiêng	Kích thước: 1000x1000x500; góc nghiêng: 60 độ; Đường kính ống 50mm, vật liệu PVC	m3	13,0			
6	Van tay	Kiểu van: D341J-10, kích thước: DN100, áp suất: PN1.0MPa (Bao gồm: van + 02 mặt bích + bulong + êcu)	Cái	7,0			
7	Van tay	Kiểu van: D341J-10, kích thước: DN80, áp suất: PN1.0MPa (Bao gồm: van + 02 mặt bích + bulong + êcu)	Cái	2,0			
8	Guzong	Kích thước: M16x70, vật liệu: SUS304 (Bao gồm: Guzong, 02 ecu, 02 đệm phẳng)	Bộ	320,0			
9	Nhựa tấm	Kích thước: 1.000x10.000x3mm, Vật liệu PTFE	Tấm	1,0			
10	Vòng bi	Mã hiệu: RN 205M của nhà sản xuất NTN	Cái	8,0			
11	Ống	Thông số: Ø34mm, PN1.0MPa, vật liệu: uPVC	m	120,0			
12	Van	Kiểu: Van bi rắc co, vật liệu: uPVC, PN1.0MPa (Lắp cho ống Ø34mm)	Cái	25,0			
13	Van	Thông số: Van một chiều uPVC, PN1.0MPa (Lắp cho ống Ø34mm)	Cái	4,0			
14	Cút	Cút vuông 90 độ, Ø34mm, PN1.0MPa, vật liệu: uPVC	Cái	50,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
15	Cút	Cút chữ T, PN1.0MPa, Ø34mm, vật liệu: uPVC	Cái	20,0			
16	Cút	Cút nối thẳng, ren trong, Ø34mm, PN1.0MPa, vật liệu: uPVC	Cái	10,0			
17	Cút	Cút nối thẳng, ren ngoài, Ø34mm, PN1.0MPa, vật liệu: uPVC	Cái	10,0			
18	Cút	Cút nối thẳng, hai đầu ren, Ø34mm, PN1.0MPa, vật liệu: uPVC	Cái	10,0			
19	Mặt bích	Mặt bích, Ø34mm, PN1.0MPa, vật liệu: uPVC	Cái	12,0			
20	Cốc lọc	Thông số: Kiểu Y, kết nối rắc co, Ø34mm, PN1.0MPa, vật liệu: uPVC	Cái	4,0			
21	Phốt làm kín cơ khí	Kiểu: 113, sử dụng cho bơm có đường kính trục 30mm	Bộ	1,0			
22	Bơm	Kiểu: Bơm nước thải tự mồi, Lưu lượng 40m ³ /h, 0,18~0,27MPa (Kiểu bơm ZW: Bao gồm Bơm+động cơ)	Cái	1,0			
23	Phốt làm kín cơ khí	Mã hiệu: MG1-25 của nhà sản xuất EagleBurgmann	Bộ	2,0			
24	Phốt làm kín cơ khí	Mã hiệu: MG1-35 của nhà sản xuất EagleBurgmann	Bộ	14,0			
25	Gioăng	Thông số Φ110x4 (Gioăng chỉ cao su)	Cái	16,0			
26	Gioăng	Thông số Φ120x4 (Gioăng chỉ cao su)	Cái	16,0			
27	Gioăng	Thông số Φ178x4 (Gioăng chỉ cao su)	Cái	2,0			
28	Giảm chấn	Kích thước: Φ20x10x6, vật liệu: cao su	Cái	200,0			
29	Phe	Phe gài trục ngoài Ø47x2mm	Cái	40,0			
30	Phe	Phe gài trục ngoài Ø33x2mm	Cái	10,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
31	Bơm	Kiểu: Bơm trục đứng, Lưu lượng 40m ³ /h, áp lực: 0,25MPa, chiều dài bơm L=3.200mm (Bao gồm bơm+động cơ)	Cái	1,0			
32	Van một chiều	Kiểu van: H44W-10, kích thước: DN100, áp suất: PN1.0MPa, vật liệu: sus304 (Bao gồm: van + 02 mặt bích + bulong + êcu)	Cái	5,0			
33	Guzong	Kích thước: M12x70, vật liệu: SUS304 (Bao gồm: Guzong, 02 ecu, 02 đệm phẳng)	Bộ	40,0			
34	Van một chiều	Kiểu van: H44T-10, kích thước: DN65, áp lực: PN1.0MPa (Bao gồm: van + 02 mặt bích + bulong + êcu)	Cái	2,0			
35	Van tay	Kiểu van: D71X-10, kích thước: DN65, áp lực: PN1.0MPa	Cái	2,0			
36	Van một chiều	Kiểu van: H44W-10, kích thước: DN65, áp suất: PN1.0MPa, vật liệu: sus304 (Bao gồm: van + 02 mặt bích + bulong + êcu)	Cái	2,0			
37	Van tay	Kiểu van: D341J-10, kích thước: DN65, áp suất: PN1.0MPa (Bao gồm: van + 02 mặt bích + bulong + êcu)	Cái	2,0			
38	Van điện	- Cụm điều khiển: Mã hiệu QB50-1 Z; Set Torque: Open 500 N.m, Close 500 N.m; 400V, 50Hz/3PH; Motor: 0.09kW; 0.68A; IP: 65 - Thân van: DN 200 Hãng sản xuất: Changzhou Power Station Auxiliary Equipment Works LTD	Bộ	4,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
39	Van điện	- Cụm điều khiển: Mã hiệu QB25-1 Z; Set Torque: Open 250 N.m, Close 250 N.m; 400V, 50Hz/3PH; Motor: 0.05kW; 0.43A; IP: 65 - Thân van: DN 100 Hãng sản xuất: Changzhou Power Station Auxiliary Equipment Works LTD	Bộ	4,0			
40	Van điện	- Cụm điều khiển: Mã hiệu QB25-1 Z; Set Torque: Open 250 N.m, Close 250 N.m; 400V, 50Hz/3PH; Motor: 0.05kW; 0.43A; IP: 65 - Thân van: DN 150 Hãng sản xuất: Changzhou Power Station Auxiliary Equipment Works LTD	Bộ	1,0			
Tổng							
Thuế GTGT 10%							
Tổng cộng (đã bao gồm thuế, phí và lệ phí)							
Bằng chữ:							